ỨNG DỤNG CHIẾN LƯỢC ĐỌC HỢP TÁC (CSR) TRONG DẠY TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH TẠI HỌC VIỆN CẢNH SÁT: NGHIÊN CỨU THỰC NGHIỆM

Đinh Thu Quỳnh, Bùi Xuân Phong
Khoa Ngoại ngữ, Học viện Cảnh sát nhân dân, Hà Nội, Việt Nam

Tóm tắt: *Học viên tại Học viện Cảnh sát nhân dân (HVCSND) gặp khó khăn đáng kể trong đọc hiểu văn bản pháp lý và nghiệp vụ bằng tiếng Anh. Chiến lược Đọc Hợp Tác (Collaborative Strategic Reading – CSR) đã được chứng minh hiệu quả trong nhiều bối cảnh EFL/ESL nhưng chưa được nghiên cứu trong môi trường đào tạo bán quân sự. Bài báo đo lường tác động của CSR đến năng lực đọc hiểu tiếng Anh chuyên ngành và khảo sát trải nghiệm của học viên khi áp dụng CSR trong bối cảnh học viện cảnh sát. Bài báo sử dụng thiết kế thực nghiệm có nhóm đối chứng với đo lường trước–sau (n = 64; nhóm thực nghiệm [TN] n = 32, nhóm đối chứng [DC] n = 32) trong 8 tuần. Kết quả: Nhóm TN đạt điểm đọc hiểu hậu kiểm trung bình cao hơn nhóm DC (M = 76,8 so với M = 68,9, d = 0,71), với cải thiện rõ nét nhất ở mức suy luận và đánh giá phê bình. Học viên đánh giá cấu trúc vai trò nhóm CSR tương thích tốt với môi trường HVCSND. Kết quả cho thấy CSR trong dạy đọc tiếng Anh chuyên ngành có triển vọng cho bối cảnh đào tạo cảnh sát tại Việt Nam.*

Từ khóa: *chiến lược đọc hợp tác; đọc hiểu; tiếng Anh chuyên ngành; học viện cảnh sát; học hợp tác.*

APPLYING COLLABORATIVE STRATEGIC READING (CSR) IN ESP TEACHING AT PEOPLE'S POLICE ACADEMY: AN EXPERIMENTAL STUDY

Abstract: *Cadets at the People's Police Academy (PPA) face considerable difficulties in reading and comprehending legal and professional texts in English. Collaborative Strategic Reading (CSR) has been proven effective in various EFL/ESL contexts, but it has not yet been studied in a semi-military training environment. This article measures the impact of CSR on cadets' English for Specific Purposes reading comprehension and explores their experiences when applying CSR in the police academy context. The study employed a pre-test–post-test control group experimental design over eight weeks (n = 64; experimental group [EG] n = 32, control group [CG] n = 32). The results show that the EG achieved a higher mean post-test reading comprehension score than the CG (M = 76.8 vs. M = 68.9, d = 0.71), with the most noticeable improvement observed in inferential and critical evaluation levels. Cadets reported that the CSR group-role structure was highly compatible with the PPA learning environment. The findings suggest that CSR in ESP reading instruction holds promise for police training contexts in Vietnam.*

Keywords*: collaborative strategic reading; reading comprehension; English for Specific Purposes; police academy; cooperative learning.*

Nhận bài: 19/04/2026 *Phản biện: 19/05/2026* *Duyệt đăng: 23/05/2026*

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Năng lực đọc hiểu tiếng Anh của lực lượng cảnh sát đóng vai trò thiết yếu trong bối cảnh hội nhập quốc tế: sĩ quan cần đọc thông thạo báo cáo điều tra, điều luật, thông báo Interpol và tài liệu nghiệp vụ từ các đối tác quốc tế. Tại HVCSND, môn Tiếng Anh (*ESP – English for Police*) được đưa vào chương trình đào tạo từ năm thứ hai, nhưng thực tiễn cho thấy một số thách thức lớn: sinh viên có vốn từ vựng pháp lý–nghiệp vụ hạn chế, thiếu chiến lược đọc hiểu có hệ thống và lo âu ngôn ngữ tăng cao do áp lực môi trường vũ trang. Phương pháp dạy đọc truyền thống – chủ yếu dựa vào giảng viên giải thích từ vựng và học viên làm bài tập cá nhân – chưa giải quyết đồng thời cả ba nguyên nhân này, đặc biệt chưa phát triển kỹ năng tư duy bậc cao (suy luận, đánh giá phê bình) vốn không thể thiếu khi xử lý hồ sơ pháp lý.

Chiến lược Đọc Hợp Tác (*Collaborative Strategic Reading – CSR*), được Klingner và cộng sự phát triển từ những năm 1990, tổ chức hoạt động đọc theo bốn bước: *Preview* (xem trước), *Click & Clunk* (nhận diện và xử lý từ khó), Get the Gist (nắm ý chính) và *Wrap Up* (tổng kết, đặt câu hỏi). Qua đó, học viên vừa xây dựng chiến lược siêu nhận thức vừa hợp tác giải quyết khó khăn ngôn ngữ. Nhiều nghiên cứu đã chứng minh CSR cải thiện đọc hiểu và nhận thức siêu nhận thức trong bối cảnh EFL/ESL. Tuy nhiên, chưa có nghiên cứu nào kiểm chứng CSR trong môi trường đào tạo bán quân sự – nơi cấu trúc thứ bậc, kỷ luật nhóm và thể loại văn bản đặc thù có thể tạo ra cả lợi thế lẫn thách thức riêng biệt cho việc triển khai CSR.

Khoảng trống này là xuất phát điểm của nghiên cứu hiện tại. Nghiên cứu đặt ra hai câu hỏi sau:

1 – CSR có cải thiện đáng kể điểm đọc hiểu tiếng Anh chuyên ngành của học viên HVCSND so với phương pháp truyền thống không?

2 – Học viên trải nghiệm và đánh giá việc áp dụng CSR như thế nào trong bối cảnh đặc thù của HVCSND?

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Cơ sở lý luận và tổng quan nghiên cứu

2.1.1. Khung lý thuyết

CSR được xây dựng trên nền tảng lý thuyết kiến tạo xã hội của Vygotsky, cụ thể là khái niệm Vùng Phát Triển Gần Nhất (*Zone of Proximal Development – ZPD*). Khi học viên tương tác trong nhóm với sự hỗ trợ có định hướng (scaffolding) của giảng viên và đồng đẳng, họ dần nội tâm hóa các chiến lược đọc từ bình diện cộng tác sang bình diện tự chủ cá nhân. Bổ sung vào đó, Lý thuyết Kiểm soát – Giá trị (*Control-Value Theory*) của Pekrun lý giải chiều cạnh cảm xúc: lo âu cao khi gặp từ vựng chuyên ngành khó làm giảm nguồn lực nhận thức và gây hành vi tránh né. Bước *Click & Clunk* của CSR tái lập cảm giác kiểm soát bằng cách trang bị cho học viên quy trình xử lý từ khó có hệ thống, từ đó giảm lo âu và giải phóng nguồn lực để đọc hiểu.

2.1.2. Bằng chứng thực nghiệm về hiệu quả CSR

Nhiều nghiên cứu xác nhận hiệu quả của CSR trong cải thiện đọc hiểu EFL. Yon và cộng sự ghi nhận điểm đọc hiểu tăng ở tất cả các mức độ nhận thức theo thang phân loại Barrett sau can thiệp CSR tại Indonesia. Sarshogh và cộng sự cho thấy nhóm CSR vượt trội nhóm đối chứng về điểm đọc hiểu lẫn nhận thức siêu nhận thức. Về tư duy bậc cao, Topalov chứng minh CSR cải thiện kỹ năng xử lý thông tin toàn văn bản, trong khi Rahayu xác nhận hiệu quả tương tự với kỹ năng đọc phê phán (critical reading).

Về chiều cạnh tâm lý học học tập, Xiong ghi nhận CSR giảm lo âu đọc ở học sinh EFL trình độ thấp, nhất quán với dự báo lý thuyết của Pekrun. Herda và cộng sự xác nhận cải thiện tương tự về động lực trong bối cảnh hậu COVID-19. Wang và cộng sự báo cáo CSR còn nâng cao năng lực tự học (self-directed learning) với kích thước ảnh hưởng lớn – một phát hiện có ý nghĩa với đào tạo nghề nơi học viên cần tự cập nhật kiến thức pháp luật suốt đời. Amjadi và Talebi cảnh báo rằng chất lượng tương tác cảm xúc trong nhóm là biến trung gian quan trọng; thiếu chú ý đến yếu tố này có thể lý giải tại sao một số nghiên cứu không tìm thấy sự khác biệt thống kê giữa hai nhóm.

Mặc dù nền tảng thực nghiệm về CSR trong dạy đọc EFL khá vững chắc, toàn bộ các nghiên cứu hiện có được thực hiện trong bối cảnh phổ thông hoặc đại học dân sự thông thường. Chưa có nghiên cứu nào kiểm chứng CSR tại môi trường đào tạo bán quân sự – nơi văn hóa thứ bậc, kỷ luật và thể loại văn bản nghiệp vụ đặc thù có thể tạo ra những điều kiện khác biệt cho việc triển khai CSR. Đây là khoảng trống mà nghiên cứu hiện tại hướng đến lấp đầy.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Thiết kế và đối tượng nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng thiết kế hỗn hợp với trọng tâm định lượng (*quasi-experimental pretest–posttest control group design*). Phương pháp định tính theo mô hình tam giác đạc (triangulation) bổ sung chiều sâu giải thích cho câu hỏi nghiên cứu 2. Đối tượng gồm 64 học viên năm thứ hai hệ chính quy (D50), đang học môn Tiếng Anh I (4 tín chỉ, 102 tiết) và đạt trình độ B1–B2 theo CEFR (xác nhận qua bài kiểm tra xếp lớp đầu khóa). Hai lớp học phần có cùng mức năng lực được chọn: một lớp làm nhóm thực nghiệm (TN, n = 32) và một lớp làm nhóm đối chứng (DC, n = 32). Điểm tiền kiểm đọc hiểu của hai nhóm tương đồng ($t[62] = 0,43$, $p = 0,670$), xác nhận sự đồng đều đầu vào. Tỷ lệ duy trì đạt 100%; không có học viên rời bỏ nghiên cứu.

Quy trình can thiệp CSR

Can thiệp CSR kéo dài 8 tuần, 2 buổi/tuần, 90 phút/buổi (16 buổi). Giảng viên nhóm TN được tập huấn CSR 6 tiếng trước khi triển khai. Mỗi buổi học CSR tuân theo bốn bước:

(1) Xem trước – Preview (10 phút): Học viên dự đoán nội dung văn bản dựa trên tiêu đề, hình ảnh minh họa và từ khóa được gạch chân; thảo luận nhóm ngắn để kích hoạt kiến thức nền nghề nghiệp.

(2) Nhận diện từ khó – Click & Clunk (20 phút): Học viên đọc cá nhân, đánh dấu từ/cụm từ chưa hiểu; nhóm 4 người thảo luận giải quyết theo thứ tự: đọc lại ngữ cảnh câu xung quanh → phân tích hình thái từ → tra từ điển nghiệp vụ cảnh sát.

(3) Nắm ý chính – Get the Gist (25 phút): Mỗi nhóm viết câu tóm tắt ý chính không quá 15 từ cho mỗi đoạn. Chuyên gia ý chính trình bày trước lớp và nhận phản hồi của giảng viên.

(4) Tổng kết – Wrap Up (35 phút): Học viên tự đặt câu hỏi bề mặt và câu hỏi suy luận/đánh giá về văn bản; nhóm thảo luận chéo và trả lời câu hỏi tổng kết của giảng viên.

Ngữ liệu đọc bao gồm các thể loại văn bản nghiệp vụ đặc thù: báo cáo điều tra, văn bản pháp luật trích dẫn, quy trình xử lý hiện trường, tóm tắt

vụ án và thông báo Interpol (tổng 16 văn bản). Mỗi nhóm CSR gồm 4 học viên với bốn vai trò luân phiên: Trưởng nhóm *(Leader*), Chuyên gia từ khó (*Clunk Expert*), Chuyên gia ý chính (*Gist Expert*) và Báo cáo viên (*Reporter*). Nhóm DC học cùng ngữ liệu nhưng theo phương pháp truyền thống: giảng viên giải thích từ vựng, học viên làm bài tập đọc hiểu cá nhân, không có hoạt động nhóm có cấu trúc.

Công cụ và phân tích dữ liệu

- Bài kiểm tra đọc hiểu (RCT). Hai dạng tương đương (tiền kiểm / hậu kiểm), mỗi dạng gồm 3 bài đọc (~1.200 từ) và 30 câu hỏi theo thang phân loại Barrett: 10 câu mức nghĩa đen (*Literal*), 12 câu mức suy luận (*Inferential*) và 8 câu mức đánh giá phê bình (*Evaluative*). Điểm tối đa 100. Giá trị nội dung được xác nhận bởi hai chuyên gia độc lập (CVR = 0,94); độ tin cậy Cronbach's α = 0,81 (tiền kiểm) và 0,84 (hậu kiểm).

- Nhật ký học tập và phỏng vấn nhóm tập trung (FGI). 15 học viên nhóm TN (phân tầng theo trình độ B1/B1+/B2, 5 người mỗi mức) ghi nhật ký phản chiếu hàng tuần trong 8 tuần (tổng 120 mục). Hai buổi FGI (6–8 người) được thực hiện vào tuần 4 và tuần 8. Dữ liệu được phiên mã toàn văn và phân tích chủ đề theo mô hình Braun và Clarke với hệ số đồng thuận liên mã hóa viên κ = 0,83.

Dữ liệu định lượng được phân tích bằng ANCOVA với điểm tiền kiểm là biến đồng biến để so sánh hậu kiểm giữa hai nhóm; kiểm định t ghép cặp so sánh tiền–hậu kiểm trong từng nhóm; kích thước ảnh hưởng Cohen's d (nhỏ ≥ 0,20; trung bình ≥ 0,50; lớn ≥ 0,80).

2.3. Kết quả nghiên cứu

2.3.1. Điểm đọc hiểu trước và sau can thiệp

Bảng 1 trình bày điểm trung bình đọc hiểu của hai nhóm theo từng mức độ nhận thức. Ở thời điểm tiền kiểm, hai nhóm có điểm xuất phát tương đồng nhau (TN: M = 60,7; DC: M = 60,1). Sau 8 tuần can thiệp, cả hai nhóm đều cải thiện điểm số, nhưng mức độ cải thiện khác nhau rõ rệt.

Bảng 1. *Điểm kiểm tra đọc hiểu trung bình theo nhóm và mức độ nhận thức (thang 100 điểm)*

Mức độ nhận thức	TN – Tiền kiểm M (ĐLC)	TN – Hậu kiểm M (ĐLC)	DC – Tiền kiểm M (ĐLC)	DC – Hậu kiểm M (ĐLC)
Nghĩa đen / Literal (30 điểm)	32,2 (4,1)	36,8 (3,6)	30,8 (3,9)	33,1 (4,2)
Suy luận / Inferential (40 điểm)	22,4 (3,8)	28,6 (4,1)	22,1 (3,6)	24,3 (3,9)
Đánh giá phê bình / Evaluative (30 điểm)	13,6 (2,9)	17,2 (2,7)	13,4 (3,1)	14,2 (3,0)
Tổng điểm (100 điểm)	**60,7 (6,2)**	**76,8 (5,9)**	**60,1 (5,9)**	**68,9 (6,4)**

Ghi chú. TN = nhóm thực nghiệm (n = 32); DC = nhóm đối chứng (n = 32); M = điểm trung bình; ĐLC = độ lệch chuẩn; Chênh lệch = điểm hậu kiểm TN trừ DC; Cohen's d: nhỏ ≥ 0,20; trung bình ≥ 0,50; lớn ≥ 0,80.

Nhóm TN tăng trung bình 16,1 điểm (từ 60,7 lên 76,8), trong khi nhóm DC chỉ tăng 8,8 điểm (từ 60,1 lên 68,9). Chênh lệch điểm hậu kiểm giữa hai nhóm là 7,9 điểm với kích thước ảnh hưởng ở mức trung bình–lớn (d = 0,71), cho thấy CSR có tác động thực chất về mặt thực tiễn, không chỉ đơn thuần về mặt thống kê.

Phân tích theo từng mức độ nhận thức cho thấy mức cải thiện không đồng đều giữa ba cấp độ. Ở mức Nghĩa đen, nhóm TN tăng 5,6 điểm (từ 32,2 lên 36,8) trong khi nhóm DC tăng 2,3 điểm (từ 30,8 lên 33,1), chênh lệch 3,7 điểm với d = 0,53. Ở mức Suy luận, nhóm TN tăng 6,2 điểm (từ 22,4 lên 28,6) so với mức tăng 2,2 điểm của nhóm DC, tạo ra chênh lệch 4,3 điểm và d = 0,76 – mức cao nhất trong ba cấp. Ở mức Đánh giá phê bình, nhóm TN tăng 3,6 điểm (từ 13,6 lên 17,2) so với mức tăng chỉ 0,8 điểm của nhóm DC, chênh lệch 3,0 điểm với d = 0,68. Mẫu hình này cho thấy CSR tác động mạnh hơn ở các mức nhận thức bậc cao hơn là ở mức hiểu nghĩa đen.

2.3.2. Trải nghiệm của học viên với CSR

Kết quả phân tích dữ liệu định tính từ 120 mục nhật ký phản chiếu của 15 học viên (được

phân tầng theo các trình độ B1, B1+, B2) và hai buổi phỏng vấn nhóm tập trung (FGI) vào tuần 4 và tuần 8 khẳng định chiến lược CSR mang lại nhiều trải nghiệm tích cực, giúp học viên làm chủ quá trình đọc hiểu văn bản nghiệp vụ. Trước hết, CSR đã tái thiết hiệu quả cảm giác kiểm soát nhận thức và giảm lo âu học tập bằng cách giúp học viên chuyển từ tâm lý né tránh từ vựng chuyên ngành khó sang chủ động xử lý theo quy trình từng bước. Minh chứng rõ nét là phản hồi của học viên số 08 ở tuần thứ 5: *"Bây giờ em biết cách xử lý từng bước, không còn thấy sợ nữa"*. Bên cạnh đó, cấu trúc bốn vai trò luân phiên gồm Trưởng nhóm, Chuyên gia từ khó, Chuyên gia ý chính và Báo cáo viên đạt độ tương thích rất cao với văn hóa học viện nhờ sự tương đồng với cơ cấu tổ, đội nghiệp vụ thực tế. Sự phân công chặt chẽ này thúc đẩy mạnh mẽ nhận thức siêu nhận thức, giúp học viên không chỉ nâng cao năng lực đọc mà còn tự ý thức được hiệu quả của từng bước chiến lược. Điển hình như học viên số 22 đã tự đánh giá sự tiến bộ của mình ở tuần thứ 7: *"Tuần 7 em đọc được đến 70–80%. Bước Nắm ý chính giúp em tìm điểm chính rất nhanh"*.

Song song với các kết quả đạt được, trải nghiệm của học viên cũng chỉ ra hai thách thức thực tiễn đòi hỏi những điều chỉnh kịp thời nhằm tối ưu hóa mô hình trong môi trường đào tạo bán quân sự. Khó khăn thứ nhất nằm ở khâu quản lý thời gian của bước Tổng kết, khi việc tự đặt câu hỏi và tiến hành thảo luận chéo giữa các nhóm dễ bị quá tải trong bối cảnh sĩ số lớp đông. Khó khăn thứ hai xuất phát từ sự chênh lệch trình độ nội nhóm, dẫn đến hiện tượng những học viên ở mức B1 thấp có xu hướng thụ động, phụ thuộc hoàn toàn vào Chuyên gia từ khó để giải quyết từ vựng thay vì tự mình rèn luyện chiến lược. Ngoài ra, học viên cũng phản hồi rằng chức năng khuyến khích cảm xúc của vai Báo cáo viên chưa thực sự phù hợp với đặc thù kỷ luật vũ trang. Do đó, việc đề xuất điều chỉnh, tái định nghĩa vai trò này thành nhiệm vụ giám sát chất lượng là cần thiết để tiệm cận gần hơn với ngôn ngữ nghiệp vụ của học viện.

2.4. Thảo luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy CSR cải thiện năng lực đọc hiểu rõ rệt hơn phương pháp truyền thống (chênh lệch hậu kiểm 7,9 điểm, d = 0,71), nhất quán với các nghiên cứu CSR trong bối cảnh EFL đại học. Đáng chú ý hơn là mẫu hình phân tầng theo cấp độ nhận thức: CSR tạo lợi thế lớn nhất ở mức Suy luận (d = 0,76) và Đánh giá phê bình (d = 0,68) so với mức Nghĩa đen (d = 0,53). Nói cách khác, phương pháp truyền thống vẫn giúp học viên hiểu nghĩa đen (tăng 2,3 điểm), nhưng kém hiệu quả rõ rệt trong phát triển tư duy suy luận và phê bình – chính xác là những kỹ năng sĩ quan cảnh sát cần khi xử lý hồ sơ pháp lý.

Trái với lo ngại ban đầu, cấu trúc vai trò nhóm CSR phù hợp tốt với môi trường học viện cảnh sát: phân công vai trò rõ ràng tương đồng với cơ cấu tổ/đội nghiệp vụ, tạo ra mức tuân thủ quy trình cao. Điều chỉnh cần thiết duy nhất là tái định nghĩa chức năng khuyến khích cảm xúc (Encourager) trong vai Báo cáo viên thành giám sát chất lượng, gần với ngôn ngữ nghiệp vụ hơn. Về hạn chế, nghiên cứu sử dụng thiết kế không phân ngẫu nhiên đơn vị tại một cơ sở duy nhất và không có đo lường duy trì sau can thiệp, giới hạn khả năng tổng quát hóa và kết luận về độ bền dài hạn của hiệu quả CSR.

III. KẾT LUẬN

Nghiên cứu cung cấp bằng chứng thực nghiệm ban đầu rằng CSR là can thiệp dạy đọc tiếng Anh chuyên ngành có hiệu quả và phù hợp về mặt văn hóa trong bối cảnh đào tạo cảnh sát tại Việt Nam. Học viên nhóm TN cải thiện điểm đọc hiểu trung bình cao hơn 7,9 điểm so với nhóm DC, với lợi thế rõ nét nhất ở tư duy suy luận và đánh giá phê bình (d = 0,76 và 0,68). Cấu trúc vai trò nhóm CSR phần lớn tương thích với văn hóa tổ chức học viện cảnh sát, song cần điều chỉnh vai trò Báo cáo viên theo hướng thiên về giám sát chất lượng hơn là khuyến khích cảm xúc.

Bốn khuyến nghị thực tiễn được đề xuất: (1) Tích hợp CSR như chiến lược dạy đọc chính thức trong chương trình Tiếng Anh Chuyên ngành I và II tại HVCSND. (2) Xây dựng ngân hàng văn bản đọc CSR theo thể loại nghiệp vụ cảnh sát. (3) Điều chỉnh vai trò Báo cáo viên thành Báo cáo viên/Giám sát chất lượng. (4) Thiết kế chương trình bồi dưỡng CSR tối thiểu 8 giờ cho giảng viên, có thành phần thực hành quan sát lớp. Các hướng nghiên cứu tiếp theo nên mở rộng mẫu sang các học viện, trường đại học thuộc Bộ Công an tích hợp đo lường duy trì 3–6 tháng để đánh giá độ bền hiệu quả.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

J. K. Klingner, S. Vaughn, M. E. Arguelles, M. T. Hughes, and S. A. Leftwich, "Collaborative Strategic Reading," Remedial and Special Education, vol. 25, no. 5, pp. 291–302, 2004, doi: 10.1177/07419325040250050301.

A. E. Yon, H. Nuraida, and I. Nuraida, "The effectiveness of Collaborative Strategic Reading (CSR) in improving students' reading comprehension," Journal of Language Teaching and Research, vol. 15, no. 4, 2024, doi: 10.17507/jltr.1504.27.

M. Sarshogh, E. Rezvani, and F. Karimi, "Effects of Collaborative Strategic Reading (CSR) on EFL learners' reading comprehension, reading motivation, and metacognitive awareness," Innovare Journal of Education, vol. 12, no. 1, 2024, doi: 10.22159/ijoe.2024v12i1.50053.

J. Bermillo and V. L. T. Merto, "Collaborative strategic reading on students' comprehension and motivation," European Journal of English Language Teaching, vol. 7, no. 1, 2022, doi: 10.46827/ejel.v7i1.4148.

J. P. Topalov, "Effectiveness of cooperative grouping in developing reading skills of university level EFL learners," Journal of Language and Education, vol. 9, no. 1, 2023, doi: 10.17323/jle.2023.12399.

N. Rahayu, "The effectiveness of Collaborative Strategic Reading (CSR) in teaching critical reading to EFL students," Jurnal Bahasa Lingua Scientia, vol. 11, no. 2, pp. 359–372, 2019, doi: 10.21274/ls.2019.11.2.359-372.

Y. Wang, A. Nuemailhom, and N. Prachanant, "Enhancing Chinese university students' reading comprehension and self-directed learning abilities through Collaborative Strategic Reading Instruction," Forum for Linguistic Studies, vol. 7, no. 9, 2025, doi: 10.30564/fls.v7i9.10517.

A. Amjadi and S. Talebi, "Extending the efficacy of Collaborative Strategic Reading (CSR) in teaching reading strategies: A socio-cultural emotional perspective," Language Teaching Research, vol. 28, pp. 714–748, 2021, doi: 10.1177/13621688211011501.

Y. Xiong, "Investigating the impact of Collaborative Strategic Reading on reading comprehension and reading anxiety among high school EFL lower attainers," English Teaching & Learning, vol. 49, pp. 63–85, 2024, doi: 10.1007/s42321-024-00168-x.

R. Herda, M. Margana, and N. H. P. S. Putro, "Role of Collaborative Strategic Reading in post-pandemic EFL reading class: A quasi-experimental study," Issues in Language Studies, vol. 12, no. 1, 2023, doi: 10.33736/ils.5491.2023.

L. S. Vygotsky, Mind in Society: The Development of Higher Psychological Processes. Cambridge, MA: Harvard University Press, 1978.

R. Pekrun, "The control-value theory of achievement emotions: Assumptions, corollaries, and implications for educational research and practice," Educational Psychology Review, vol. 18, no. 4, pp. 325–341, 2006, doi: 10.1007/s10648-006-9029-9.

K. Galappaththy and P. Karunarathne, "Effectiveness of Collaborative Strategic Reading Instruction for tertiary level ESL learners," International Journal of Research and Innovation in Social Science, vol. 6, no. 9, 2022, doi: 10.47772/ijriss.2022.6911.

V. Braun and V. Clarke, "Using thematic analysis in psychology," Qualitative Research in Psychology, vol. 3, no. 2, pp. 77–101, 2006, doi: 10.1191/1478088706qp063oa.

J. Cohen, Statistical Power Analysis for the Behavioral Sciences, 2nd ed. Hillsdale, NJ: Lawrence Erlbaum Associates, 1988.